

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Minh Triền

2/- Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày **12** tháng **4** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2017/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm: 1990 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm: 1981 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện Xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 13/11/2017, biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2018, biên bản hòa giải ngày 13/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn vào ngày 19/01/2014 (âm lịch), hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND C, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chí thú làm ăn để phụ chị lo cho gia đình mà chỉ tụ tập ăn chơi, cờ bạc dẫn đến thiếu nợ nhiều người bên ngoài, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng xảy ra cự

cãi với nhau, anh H ghen tuông, đánh chị vô cớ, trước đây chị có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vụ án đã đình chỉ, nhưng từ khi rút đơn lại đến nay vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 06/3/2015. Hiện cháu T đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018, biên bản hòa giải ngày 13/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị T trình bày, vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, việc chị T trình bày anh không chí thú làm ăn để lo cho gia đình là không đúng, anh vẫn đi làm và lo cho gia đình, trước đây anh có xích mích với đồng nghiệp nên nghỉ làm và có ăn chơi, cờ bạc nhưng chị T khuyên can nên anh đã từ bỏ không còn ăn chơi, cờ bạc nữa, hiện nay anh đang làm công nhân tại công ty Hiệp Dịch, mỗi tháng thu nhập trung bình của anh khoảng 9.000.000đ, anh xác nhận anh có đánh chị T như chị T trình bày, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, thời gian ly thân anh có đến nhà bên vợ để hàn gắn tình cảm với chị T nhưng phía gia đình vợ ngăn cản nên anh không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Minh T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 06/3/2015. Hiện cháu T đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*:

Trước đây tại các phiên hòa giải anh có yêu cầu cha mẹ vợ là Nguyễn Minh C1, sinh năm 1968 và mẹ vợ là Nguyễn Kim C2, sinh năm 1968. Cùng cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang trả lại cho anh trả cho vợ chồng anh số tiền 8.000.000đ, anh đồng ý chia đôi, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ số tiền này, Nhưng nay anh rút lại toàn bộ yêu cầu, không yêu cầu cha mẹ vợ trả lại cho anh số vàng trên, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh có yêu cầu vợ anh phải trả lại cho anh số tiền 11.400.000đ anh đã trả nợ thay cho vợ anh.

- *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh T và anh Trần Thanh H kết hôn vào ngày 19/01/2014 (âm lịch), hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh H chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra là không lớn, nhưng suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 06/3/2015. Hiện nay cháu T đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị T đồng ý để con cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh H cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này của hai bên.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H có yêu cầu cha mẹ vợ có mượn của vợ chồng anh số tiền 8.000.000đ, anh yêu cầu cha vợ là Nguyễn Minh C1, sinh năm 1968 và mẹ vợ là Nguyễn Kim C2, sinh năm 1968. Cùng cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang trả lại cho anh toàn bộ số tiền 8.000.000đ, anh đồng ý chia đôi, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ số tiền này.

Tòa án có ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 234/TB-TA ngày 16/3/2018 và có tổng đạt trực tiếp cho anh H cùng ngày, nhưng đến nay anh H vẫn chưa nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được xem như từ bỏ yêu cầu của mình, tại phiên tòa hôm nay anh H rút lại toàn bộ yêu cầu này, Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét. Song tại phiên tòa hôm nay anh H có yêu cầu chị T trả lại cho anh 11.400.000 đồng do anh trả nợ thay cho chị T. Xét thấy căn cứ vào khoản 3 điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Do đó tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này, dành quyền khởi kiện cho anh H bằng 1 vụ kiện khác nếu anh H có yêu cầu và thời hiệu khởi kiện còn.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 200, 202, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H.

- **Về con chung:** Anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 06/3/2015. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho chị T, không ai được quyền cản trở.

- **Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003143 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện C;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hoa